

DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ CỦA NGƯỜI KHƠME NAM BỘ nhìn từ nghề thủ công cổ truyền của họ

GS. CAO XUÂN PHỔ

Người Khơme Nam Bộ là cư dân nông nghiệp làm ruộng lúa nước và rất sùng tín đạo Phật. Mọi hoạt động sản xuất nông nghiệp của họ đều gắn với ý niệm nước - nắng, ẩm - khô... Nghề thủ công cổ truyền thể hiện đời sống tâm linh của họ thường được tập trung vào hai việc: Đóng thuyền và làm diều. Ở đây xin bàn đến hai việc đó dưới góc độ tâm linh để mong hiểu rõ hơn giá trị phi vật thể, và cũng là ý nghĩa văn hoá, của con thuyền và con diều, mà không đi sâu vào kỹ thuật tạo tác.

1- Con thuyền.

Người Khơme Nam Bộ có tục đua thuyền (ghe Ngo) hàng năm vào tháng 10 âm lịch trong dịp lễ chào mặt Trăng (*ok ombôc*) để bày tỏ lòng biết ơn, cảm tạ mặt trăng đã đem nước đến cho mùa màng tốt tươi, và nay cầu xin mặt trăng nhường uy lực cho mặt trời chiếu nắng làm cho lúa chóng chín để mùa gặt sắp tới thu hoạch được nhiều thóc lúa. Cho nên ghe Ngo là một biểu tượng tiêu biểu trong cuộc sống nông nghiệp của họ.

Từ những thế kỷ đầu Công nguyên, dân cư vùng Tây Nam Bộ đã dùng thuyền gỗ đi lại.

Khang Thái thời Đông Ngô (thế kỷ III) có ghi trong "Phù Nam Ký": Trong vương quốc Phù Nam người ta dùng riu đẽo thân cây thành thuyền độc mộc dài đến 12 sải, rộng 3 phần sải (3/4 sải), đầu và đuôi trông giống con cá. Thuyền nào cũng có trang trí những tấm mảnh sắt trở hoa. Thuyền lớn nhất chứa được trăm người (?) Mỗi người đều cầm một bơi chèo dài hoặc ngắn và một cây sào. Từ đầu đến đuôi thuyền có 50 người, hoặc hơn 40 người, tùy theo thuyền lớn hoặc bé. Người đứng thì dùng chèo dài, ngồi thì dùng chèo ngắn. Ở chỗ nước nông họ dùng sào. Họ chèo thuyền theo giọng hò nhịp nhàng⁽¹⁾.

Về sau, những hoạt động khảo cổ học của Malleret ở miền Tây Nam Bộ đầu thế kỷ XX, và gần đây (cuối thế kỷ XX) của các nhà khảo cổ học Việt Nam đã phát hiện nhiều vết tích thuyền gỗ từ thế kỷ VII trở về sau ở vùng này⁽²⁾. Như vậy có thể hiểu rằng, đóng thuyền gỗ là một truyền thống lâu đời của cư dân miền Tây Nam Bộ.

Trở lại với chiếc ghe Ngo thời hiện đại. Ghe làm bằng gỗ "sao" vốn mọc trên núi cao có voi

thần canh giữ. Trước khi hạ cây phải dâng lễ lên thần voi gồm có thủ lợn và một nải chuối, rồi ghi lên thân cây xin sau 7 ngày sẽ đến hạ cây và mời thần linh rời khỏi cây trong thời hạn đó - Khi hạ cây không người nào được nói năng gì. Sau này cây "sao" đã mọc (trồng) trong các chùa. Trước khi hạ cây phải được sự đồng ý của vị sư trụ trì chùa. Rồi phải dâng lễ (hương, nến, bánh trái) lên thần đất, thần nước bảo vệ chùa, cầu xin hạ cây làm ghe cho chùa để duy trì tập tục truyền thống (mỗi chùa có ghe riêng của mình). Đóng một chiếc ghe mất khoảng 2 tháng rưỡi đến 3 tháng. Ghe và mái chèo thường được quét sơn màu đen, ở đầu và đuôi ghe tô 3 vòng tròn vàng và đỏ, tựa như vòng tròn trên cổ rắn hổ mang. Đến ngày lễ hạ thủy, đặt đầu ghe quay về hướng Đông, trên đó đặt lễ vật có lợn đồ che. Lễ vật cũng được đặt ở thanh giềng ngang thứ 5, thanh giềng giữa và ở đằng đuôi. Riêng ở thanh giữa có dựng lên một túp lều để mời thần (đất, nước) về chứng giám buổi lễ. Đầu và đuôi ghe đều treo dải vải đỏ. Nhạc nổi lên và lễ điểm nhỡn được tiến hành. Tương truyền, mắt chỉ được gắn vào ghe khi có một người trinh nữ đi qua. Và, không để cho người con gái đó biết, người thợ lập tức dùng đinh đóng mắt vào thuyền, như vậy "linh" của người trinh nữ sẽ phù hộ cho các tay chèo có sức cường tráng trong các cuộc đua. Vị chủ lễ (acha) mời các thần linh đến chứng giám để hộ trì cho các cuộc đua và để chữa lành các bệnh tật. Ngoài ra, có lên đồng trong buổi lễ. Vị đồng cô (phụ nữ) khi nhập đồng sẽ ban phước cho ghe, cho đội chèo ghe, cho cử tọa. Lễ hạ thủy chính là để cầu mưa và để được phước lành, bao giờ cũng tổ chức ở chùa, rất trang nghiêm⁽³⁾.

Đôi điều về chuyện này là để thấy chiếc ghe Ngo không chỉ là một vật thể bình thường mà là vật thể thiêng biểu tượng hoá cái phi vật thể của văn hoá Khơme Nam Bộ, từ lúc chọn cây, dẫn cây, đóng ghe đến lúc hạ thủy, điểm nhỡn. Người tham gia các quy trình đó đã đem hết lòng tận tâm thành kính thực hiện sao cho hợp với truyền thống. Nhìn dưới góc độ này hẳn sẽ được tỏ tường hơn cái ý nghĩa văn hoá của ghe Ngo và đua ghe Ngo.

2- Con Điều.

Điều tiếng Khơme là *Khlen*, vừa để chỉ con điều thả, vừa chỉ chim điều hâu. Nghĩa gốc là chim điều hâu, thuộc về loại chim ăn thịt, ví như

Khlen trei, chim bói cá, *Khlen-srak* hoặc *Khlen khmóc*, cú hoặc chim lợn. Chim điều và đồng loại với nó được người Khơme và nhiều tộc người khác ở Đông Dương như người Chăm, người Mônông, người Khạ, người Ê đê, người Xtiêng, người Rơngao... coi là kẻ thù của rắn và cá. Trong ý niệm của họ, chim điều là biểu tượng của mặt trời - nắng; rắn, cá, các loài thủy tộc là biểu tượng của mặt trăng - mưa.

Điều thả cũng nằm trong mạch ý niệm đó. Người Khơme thả điều khi gió mùa Đông Bắc tràn về xua tan mây mù để nắng trở về, thường là vào tháng *Kádek* (tương ứng tháng 10 âm lịch). Thả điều là một biểu tượng của cầu nắng để hạt lúa chóng chín, chóng được gặt hái. Điều thả của người Khơme có khá nhiều loại, phổ biến nhất là *Khlen phnon*, còn gọi là *Por kón* (mang con) hoặc *Mékón* (mẹ con). Có thể nhận ra đôi cánh và đuôi của chim điều, song thân thì đã biến dạng nhiều. Và, tên gọi các bộ phận của điều thả cũng giống như tên gọi của chim điều, cũng đầu, bụng, lưng, ức, xương lưng, xương ức... Điều được làm bằng tre và vải trúc bâu, tơ chuối, hoặc tơ dâu. Tơ chuối được dùng từ thời cổ xưa nhất. Người ta tước tơ từ bẹ chuối, đem phơi nắng rồi phơi sương (cho mềm, dai), buộc quả dọi vào sợi tơ rồi treo lên, khâu lại bằng chỉ gai hoặc chỉ vải rồi đem bọc ra ngoài sườn điều. Xong, quét lên toàn bộ thân điều một lớp nước sắc dây "cây chân bò" (?) giã nát rồi đem phơi ngoài trời cho khô. Dùng vải trúc bâu cũng quét nước sắc này. Nếu dùng tơ dâu cũng phải giã nát vỏ cây dâu rồi đun sôi lên. Lần lượt vớt các lớp váng nổi trên mặt. Cũng có thể đổ nước vỏ dâu đun sôi lên một tấm vải rồi đem phơi nắng.

Khlen phnon (điều mẹ con) thường có kích thước rất lớn, dài 1,50m đến 2,40m. Ở đuôi điều, gọi là đuôi chân vịt hoặc chân vịt, gắn hai dải dài từ 10m đến 20m, kết bằng là thốt nốt gọi là *kraman* hoặc *kantuy* (đuôi). Dây thả điều dài từ 50m đến 300m làm bằng sợi tơ, sợi gai hoặc các loại sợi cây khác. Phải ít nhất có 3 người để tung thả một con điều lên không trung.

Khlen phnon bao giờ cũng gắn sáo (*êk*), có khi đến 2 sáo, sáo lớn dài bằng cả sải cánh của điều, gắn ở trước mũi điều. Sáo bé gắn ở hông điều. Âm của hai sáo phải hoà được với nhau. Làm sáo phải có người chuyên môn cao đòi hỏi sự tinh tế trong thao tác, đôi tai thính về âm điệu. Cần một thanh tre già dài uốn cong thành

một cánh cung, chuốt mỏng 2 đầu, khoét một cái mấu một ở chỗ trên thân tre, làm sao để móc được các sợi dây tơ tằm hoặc tơ chuối để buộc cái lưới gà cân đối, chặt chẽ vào thân tre nhằm tạo ra được âm thanh mong muốn. Thường lưới gà làm bằng thân cây mây chẻ ra, chuốt mỏng, mài trơn bằng thóc hoặc giấy rập thuỷ tinh rồi hơ bóng trên lửa. Đôi khi chỉ cần khoét ba lỗ nhỏ ở 2 đầu để xoắn dây buộc. Lại nhiều khi còn gọt hai đầu thành nùm hoa rồi xoi một lỗ nhỏ, gọi là "mắt ruồi". Hai đầu nút lưới gà và các dây buộc đều được nhúng sáp ong. Để thử âm thanh của sáo, người ta buộc dây vào cây sáo rồi quay nhanh quanh người. Nếu âm lượng chưa đủ thì cho thêm sáp ong vào. Lưới gà cũng có thể làm bằng lá thốt nốt hoặc lá chuối, song âm thanh không vang bằng.

Trong loại diều - sáo còn có những loại hình khác không phổ biến bằng *Khlen phnon*, như *khlen hópau*, *khlen kantón*...

Ngoài loại diều - sáo còn có loại diều - đèn (*Khlen kôm*) cũng gọi là đèn bay (*kôm hòh*) hình hộp hoặc hình ống trụ. Có chiếc cao đến 5m đồ sộ như một khinh khí cầu và phải cần đến 4 người để thả 1 cây đèn như vậy: 2 người đứng 2 đầu bên trên và bên dưới giữ đèn, 2 người châm lửa vào bắc đèn⁽⁴⁾. Ban ngày diều sáo vi vu trên trời cao, ban đêm diều đèn lung linh trong ánh trăng thanh, cảnh tượng thật

hoành tráng.

Ý nghĩa phi vật thể, cũng là giá trị văn hóa của thả diều và đua ghe Ngo - là cầu nối cho mùa màng - đã in đậm trong tâm thức người dân Khmer nói chung từ ngàn xưa. Hàng năm, đến ngày lễ hội thả diều và đua ghe Ngo là người dân trong cộng đồng hồ hởi đến tụ hội quanh ngôi chùa của mình với một tâm thức hướng về cái *thiên*, cái *thiện*. Không chỉ trong ngày lễ, ngày hội thi - đua mà ngay từ lúc tạo tác ra chiếc ghe Ngo, con diều sáo thì tâm *thiên* đó đã được khuấy động lên trong lòng họ. Cái *thiên*, cái *thiện* đó đã từng giúp cho họ thêm tin tưởng vào cuộc sống của mình trong cộng đồng. Đây hẳn là một điều đáng lưu tâm đối với người làm công tác văn hoá trong sự nghiệp gìn giữ phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

C.X.P

Chú thích:

- 1) Dẫn theo E. Porée - Maspéro, *Etude sur les rites agraires de Cam bo dgiens*, 1964, T, II, P.427
- 2) Xem L. Malleret, *L'Arché ologic du delta du Me'kong*, Paris, EFEO, 1959 T I; Đào Linh Côn và các tác giả, *Văn hoá Óc Eo*, Hà Nội, 198.
- 3) Xem E. Porée - Maspéro, T II tr. 369 - 376
- 4) Cũng xem E. Porée - Maspéro, sđd, tr. 485 - 495.

SUMMARY: INTANGIBLE CULTURAL HERITAGES OF KHMER PEOPLE IN THE SOUTH OF VIETNAM OBSERVED FROM THEIR HANDICRAFTS (AUTHOR: CAO XUAN PHO)

Based on the customs of boat racing during the Moon Thanks Festival, the author describes briefly on the racing boat, ways of racing, and the meaning of boat racing is related with the pray for good harvest. The racing in October is related with the pray for sunshine so that the rice is ripe quickly with strong and thick grain. The second customs concerns the pray for sunshine is the kite flying - The word "kite" in Vietnamese (diều) is similar with the word "black kite" (chim diều hau), the symbol of the Sun - sunshine. The author mentions the ways of making kites, kite flutes with concerned meanings...in order to guide people's minds toward something sacred and goodwill.